

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2024/DS-ST

Ngày: 27/3/2024

V/v "Tranh chấp về kiện đòi
tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đào Thị Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trường Ca và bà Vũ Thị Linh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh tham gia phiên toà:** Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

- **Thư ký ghi biên bản phiên toà:** Ông Nguyễn Đức Phú – Thẩm tra viên
Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh.

Ngày 27 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 90/2023/TLST - DS ngày 20 tháng 11 năm 2023 về việc "tranh chấp về kiện đòi tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST- DS ngày 06 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1971; địa chỉ: Khu dân cư T, phường V, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Bùi Văn T, sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn C3, xã N, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn là ông Nguyễn Văn C và bị đơn là ông Bùi Văn T thống nhất trình bày:

Ông Nguyễn Văn C và ông Bùi Văn T có mối quan hệ quen biết nhau nhiều năm. Vào năm 2010 - 2011 ông T đã nhiều lần vay tiền ông C, số tiền vay của từng lần vay khác nhau, có lần vay được lập thành văn bản, có lần vay chỉ là hợp đồng miệng. Số tiền ông C cho ông T vay là tiền riêng của cá nhân ông C, không liên quan đến bất kỳ ai trong gia đình ông C. Địa điểm ông C cho ông T vay tiền là tại nhà riêng của ông C ở khu dân cư T, phường V, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Mục đích ông T vay tiền để sử dụng vào việc riêng cá nhân ông T, không liên quan đến bất kỳ ai trong gia đình ông T. Khi giao dịch vay tiền chỉ có ông C và ông T, không có người thứ ba chứng kiến; ông C cho cá

nhân ông T vay tiền, không giao dịch với vợ của ông T là bà Bùi Thị K; ông T vay tiền của cá nhân ông C, không giao dịch với vợ của ông C là bà Nguyễn Thị D. Đến ngày 16/4/2011, ông C và ông T cùng chốt nợ toàn bộ các khoản tiền ông T vay ông C tính đến ngày 16/4/2011 là 167.400.000 đồng, cùng thống nhất thời hạn trả tiền là ngày 24/4/2011 và cùng tự nguyện lập 01 “Giấy biên nhận vay tiền” rồi giao cho ông C giữ.

Theo nguyên đơn là ông Nguyễn Văn C trình bày: Giấy biên nhận vay tiền do ông T viết và ký giấy, ông không yêu cầu giám định chữ viết. Các bên có thỏa thuận miệng về lãi suất tính theo lãi suất ngân hàng. Việc ghi tên vợ của ông là bà Nguyễn Thị D trong giấy biên nhận vay tiền là do ông T tự ghi. Còn thực tế số tiền ông cho ông T vay là tiền riêng của ông, không liên quan đến bà D. Từ khi đến hạn trả nợ cho đến nay, đã nhiều lần ông yêu cầu ông T trả nợ nhưng ông T đều xin kéo dài thời hạn trả nợ và chưa trả cho ông bất kỳ số tiền nào. Ông đề nghị Tòa án buộc ông T phải trả ông số tiền nợ gốc đã vay theo Giấy biên nhận vay tiền ngày 16/4/2011 là 167.400.000 đồng, không yêu cầu ông T phải trả lãi.

Theo bị đơn là ông Bùi Văn T trình bày: Giấy biên nhận vay tiền do ông C viết còn ông ký tên “Bùi Văn T”, ông không yêu cầu giám định chữ viết. Ông không nhớ các bên có thỏa thuận lãi suất hay không. Việc ghi tên bà Nguyễn Thị D là vợ của ông C trong Giấy biên nhận vay tiền vì trong cuộc sống ông thường gọi tên một cá nhân có kèm tên của bố, mẹ hoặc vợ, chồng của cá nhân đó để phân biệt với người khác. Từ khi đến hạn trả nợ cho đến nay, ông đã nhiều lần trả nợ ông C với tổng số tiền đã trả là 96.000.000 đồng nợ gốc. Tuy nhiên, ông không nhớ thời gian trả nợ, việc ông trả nợ cũng không có người làm chứng và không có chứng cứ. Đến nay ông xác định ông chỉ còn nợ ông C 71.400.000 đồng nợ gốc. Ông đề nghị ông C giảm nợ cho ông số tiền 21.400.000 đồng, ông xin được trả cho ông C số tiền 50.000.000 đồng nợ gốc vào ngày 30/12/2024 và xin không phải trả lãi.

Vợ ông C là bà Nguyễn Thị D chết ngày 07/10/2022; bố mẹ của bà D là cụ Nguyễn Văn D và cụ Bùi Thị T, các con của bà D là chị Nguyễn Thị Thu T, chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Thanh C đều xác định không liên quan đến việc vay nợ giữa ông C và ông T, không liên quan đến số tiền ông C cho ông T vay là 167.400.000 đồng, số tiền này là tiền riêng của ông C và đề nghị Tòa án không triệu tập họ tham gia tố tụng trong vụ án.

- Tại phiên tòa:

Nguyên đơn là ông Nguyễn Văn C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc ông Bùi Văn T phải trả ông toàn bộ số tiền nợ gốc tính đến ngày 16/4/2011 là 167.400.000 đồng và không yêu cầu ông T phải trả lãi.

Bị đơn là ông Bùi Văn T thừa nhận số tiền nợ gốc mà ông vay ông C tính đến ngày 16/4/2011 là 167.400.000 đồng. Tuy nhiên, ông đã nhiều lần trả nợ cho ông Ch với tổng số tiền đã trả là 96.000.000 đồng nợ gốc. Hiện ông chỉ còn nợ ông C 71.400.000 đồng. Ông không nhớ thời điểm trả nợ và không có chứng cứ chứng minh việc trả nợ. Nay ông xin ông C giảm cho ông số nợ gốc là 21.400.000 đồng, xin được trả cho ông 50.000.000 đồng vào ngày 30/12/2024 và

xin không phải trả lãi. Trường hợp nếu phải chịu án phí thì đề nghị Tòa án miễn án phí cho ông do ông là người cao tuổi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Việc đưa vụ án ra xét xử của Tòa án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết, đề nghị: Áp dụng Điều 351, 357, 463, 466, 468, 470, 688 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C, buộc ông Bùi Văn T phải trả ông Nguyễn Văn C số tiền 167.400.000 đồng. Chấp nhận sự tự nguyện của ông C không buộc ông T phải trả lãi đối với số nợ gốc. Về án phí: Ông Bùi Văn T có nghĩa vụ phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng do ông T là người cao tuổi và có đề nghị được miễn án phí nên đề nghị miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Thị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định vụ án là loại án tranh chấp về hợp đồng dân sự, bị đơn cư trú tại thôn C 3, xã N, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Ông Nguyễn Văn C xác định toàn bộ số tiền ông T vay ông là tiền riêng của ông, không liên quan đến bất kỳ ai trong gia đình ông và ông chỉ giao dịch với ông T, không giao dịch với bà Bùi Thị K là vợ của ông T. Ông Bùi Văn T xác định toàn bộ số tiền ông vay ông C để chi tiêu vào việc cá nhân của ông, không liên quan đến bất kỳ ai trong gia đình ông và ông chỉ giao dịch vay tiền với ông C, không giao dịch với bà Nguyễn Thị D là vợ của ông C. Bà Nguyễn Thị D chết ngày 07/10/2022, bố mẹ của bà D là cụ Nguyễn Văn D và cụ Bùi Thị Th, các con của bà D là chị Nguyễn Thị Thu T, chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Thanh C đều xác định không liên quan đến việc vay nợ giữa ông C và ông T và số tiền 167.400.000 đồng mà ông C cho ông T vay là tiền riêng của ông C. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định bà D, bà K, cụ D, cụ Th, chị N, chị T, anh C không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng:

Ông Chúc và ông Thị đều xác định tính đến ngày 16/4/2011 ông T nợ ông C số tiền 167.400.000 đồng theo đúng nội dung ghi trong giấy biên nhận vay tiền ngày 16/4/2011. Tuy các bên không trình bày thống nhất về việc người trực tiếp

viết giấy biên nhận vay tiền là ai nhưng đều xác định nội dung giấy biên nhận vay tiền phản ánh đúng thực tế việc ông T vay ông C số tiền là 167.400.000 đồng tính đến ngày 16/4/2011, chữ ký “Bùi Văn T” trong giấy đúng là do ông T tự nguyện ký và ghi rõ họ tên, các bên đều đề nghị Tòa án không trưng cầu giám định chữ viết trong giấy biên nhận vay tiền. Nên Hội đồng xét xử xác định giấy biên nhận vay tiền hoàn toàn hợp lệ.

Giấy biên nhận vay tiền ngày 16/4/2011 là bản viết tay, có ghi đầy đủ nội dung: Số tiền vay là 167.400.000 đồng, ngày cho vay là ngày 16/4/2011, ngày trả nợ là ngày 24/4/2011, người cho vay là ông Nguyễn Văn C, người vay là ông Bùi Văn T, không ghi lãi suất, nên Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn.

Ông C, bố mẹ của bà D và các con của bà D đều xác định nguồn gốc số tiền 167.400.000 đồng mà ông C cho ông T vay là tiền riêng của ông C, không liên quan đến bất kỳ ai trong gia đình; ông T giao dịch vay tiền với cá nhân ông C, không giao dịch với bà D. Nên tuy có ghi tên bà D trong Giấy biên nhận vay tiền nhưng xác định bản chất bà D không liên quan đến số tiền ông C cho ông T vay.

Ông C khẳng định đã nhiều lần ông đòi nợ ông T nhưng ông T vẫn chưa trả nợ ông, chứng cứ ông đưa ra là Giấy biên nhận vay tiền ngày 16/4/2011. Còn ông T xác định sau ngày 16/4/2011 đến nay, đã nhiều lần ông trả nợ ông C với tổng số tiền là 96.000.000 đồng nợ gốc, hiện nay ông chỉ còn nợ ông C 71.400.000 đồng nợ gốc, nhưng ông không xuất trình được chứng cứ chứng minh việc trả nợ và không nhớ thời gian trả nợ. Do đó không có căn cứ xác định ông T đã trả nợ cho ông C.

Từ những phân tích trên, có đủ căn cứ xác định tính đến ngày 16/4/2011 ông Bùi Văn T còn nợ ông Nguyễn Văn C số tiền nợ gốc là 167.400.000 đồng. Từ khi đến hạn trả nợ đến nay đã nhiều lần ông C đòi tiền ông T nhưng ông T vẫn chưa trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn C theo quy định tại Điều 351, 463, 466, 470 Bộ luật dân sự.

Về lãi suất: Giấy biên nhận vay tiền không ghi lãi suất, ông Nguyễn Văn C và ông Bùi Văn T đều không yêu cầu giải quyết về lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn C được chấp nhận nên bị đơn là ông Bùi Văn T phải chịu án phí theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, ông Bùi Văn T là người cao tuổi và có đề nghị được miễn án phí dân sự sơ thẩm nên cần miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông T.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 351, 357, 463, 466, 468, 470, 688 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn C. Buộc ông Bùi Văn T phải trả cho ông Nguyễn Văn C số tiền nợ gốc là 167.400.000 đồng.

Về lãi suất: Không đặt ra giải quyết.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn là ông Bùi Văn T. Hoàn trả ông Nguyễn Văn C số tiền 4.185.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án ký hiệu: BLTU/23 số: 0003739 ngày 20/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi thành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 và điểm 4, điểm 5 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Chí Linh;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP Chí Linh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Hậu